

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2022

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Duy Nam

Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn A, sinh năm 1979

Bị đơn: Chị Chu Thị T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Khu A, xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Anh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn anh Phan Văn A trình bày tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2021, bản tự khai, ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/3/2022 như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 31/12/2004. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng mặc dù vẫn sống cùng nhà (chị T đi làm ăn thường xuyên, chỉ hai hoặc ba tháng mới về một lần) nhưng thực tế từ năm 2019 đến nay vợ chồng không sinh hoạt chung. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở về đoàn tụ được nữa, mục đích hôn nhân

không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chu Thị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung là Phan Thị Quỳnh G, sinh ngày 13/9/2005, Phan Phương Đ, sinh năm 06/7/2009 và Phan Hoàng Đ, sinh ngày 06/7/2009.

Sau ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Thị Quỳnh G, sinh ngày 13/9/2005, Phan Phương Đ, sinh năm 06/7/2009. Chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Hoàng Đ, sinh ngày 06/7/2009, kể từ khi ly hôn đến khi con đã thành niên, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Chu Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 07/3/2022 và ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/3/2022 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn A tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 31/12/2004. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi chửi nhau, nhưng chị xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Nay anh Phan Văn A xin ly hôn, chị không nhất trí ly hôn vì chị xác định tình cảm vẫn còn còn, chị mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu anh An vẫn tiếp tục đề nghị giải quyết ly hôn thì tùy anh An.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là Phan Thị Quỳnh G, sinh ngày 13/9/2005, Phan Phương Đ, sinh năm 06/7/2009 và Phan Hoàng Đ, sinh ngày 06/7/2009.

Nếu phải ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Hoàng Đ, sinh ngày 06/7/2009. Anh Phan Văn A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Thị Quỳnh G, sinh ngày 13/9/2005, Phan Phương Đ, sinh năm 06/7/2009, kể từ khi ly hôn đến khi con đã T niên, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại các bản tự khai cùng ngày 07/3/2022: Các cháu Phan Thị Quỳnh G, Phan Phương Đ cùng có quan điểm nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố cháu là Phan Văn A. Cháu Phan Hoàng Đ có nguyện vọng muốn được ở với mẹ cháu là Chu Thị T.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

Về nội dung vụ án đề nghị hướng giải quyết như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn A được ly hôn chị Chu Thị T.

Về con chung: Giao cho anh Phan Văn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Phan Thị Quỳnh G, sinh ngày 13/9/2005, Phan Phương Đ, sinh năm 06/7/2009. Giao cho chị Chu Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Phan Hoàng Đ, sinh ngày 06/7/2009, kể từ khi ly hôn đến khi con đã thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh Phan Văn A và chị Chu Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phan Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Phan Văn A, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”. Bị đơn chị Phan Thị T cư trú tại xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Phan Văn A vắng mặt, tuy nhiên ngày 10/3/2022 anh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Chu Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn A và chị Chu Thị T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phan Văn A và chị Chu Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, ngày 31/12/2004 đây là hôn nhân hợp pháp.

Ngày 07/3/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị anh Phan Văn A và chị Chu Thị T được đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh An và chị T do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T đã có đơn xin ly hôn chị T 1 lần, sau đó anh T đã rút đơn về đoàn tụ, nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn tình cảm được, đề nghị giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Năm 2021 anh Phan Văn A đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án đề nghị giải quyết ly

hôn với chị T, sau đó ngày 26/10/2021 anh đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng trở về đoàn tụ và Tòa án huyện YL đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2021, nhưng từ đó đến nay vợ chồng vẫn không có biện pháp khắc phục để trở về đoàn tụ. Đến ngày 16/12/2021 anh A tiếp tục nộp đơn khởi kiện tại Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với chị T, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin đoàn tụ là không có căn cứ mà chỉ nhằm níu kéo tình trạng hôn nhân đã hết. Nên việc anh Phan Văn A xin ly hôn chị Chu Thị T là có căn cứ, đúng thực tế phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh A, xử cho anh Phan Văn A được ly hôn chị Chu Thị T.

[3] *Về con chung*: Anh Phan Văn A và chị Chu Thị T đều xác định vợ chồng có 03 con chung là Phan Thị Quỳnh G, sinh ngày 13/9/2005, Phan Phương Đ, sinh năm 06/7/2009 và Phan Hoàng Đ, sinh ngày 06/7/2009.

Xét thấy cả anh A và chị T đều có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung, đó cũng là nghĩa vụ của người làm cha, làm mẹ. Anh A và chị T đều có quan điểm nếu được nuôi dưỡng con chung thì không yêu cầu về cấp dưỡng. Sau khi xem xét quan điểm của anh A, chị T và các con chung, cần giao con chung Phan Thị Quỳnh G, sinh ngày 13/9/2005, Phan Phương Đ, sinh năm 06/7/2009 cho anh Phan Văn A được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Phan Hoàng Đ, sinh ngày 06/7/2009, cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Anh A và chị T đều có quan điểm, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh Phan Văn A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn A được ly hôn chị Chu Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Phan Văn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Phan Thị Quỳnh G, sinh ngày 13/9/2005 và Phan Phương Đ, sinh năm 06/7/2009. Giao cho chị Chu Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Phan Hoàng Đ, sinh ngày 06/7/2009, kể từ khi ly hôn đến khi con đã thành niên. Không bên nào phải cấp

dưỡng nuôi con chung. Anh Phan Văn A và chị Phan Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Phan Văn A và chị Phan Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh A và chị T đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phan Văn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Phan Văn A đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0008410 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Anh A đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn Anh

